

Số: 831/2026/QĐST-HNGĐ

Hà Nội, ngày 05 tháng 08 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 668/2026/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 06 năm 2026 giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1990; căn cước công dân số: 02719000xxxx cấp ngày 25/04/2021; HKTT: **Xóm D, thôn P, xã P, thành phố Hà Nội** và trú tại: **Xóm C, thôn N, xã P, tỉnh Bắc Ninh**.

- Bị đơn: Anh **Trần Văn B**, sinh năm 1990; căn cước công dân số: 00109003xxxx cấp ngày: 22/11/2021; HKTT và trú tại: **Số nhà A, ngách B, Xóm D, thôn P, xã P, thành phố Hà Nội**.

- Căn cứ vào Điều 212, 213, 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Căn cứ Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 07 năm 2026.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 07 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

- Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị **Nguyễn Thị N** và anh **Trần Văn B**.
- Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:
 - Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận chị **Nguyễn Thị N** và anh **Trần Văn B** thuận tình ly hôn.
 - Về con chung:

Xác nhận chị Nguyễn Thị N và anh Trần Văn B có 02 con chung là Trần Thu H, sinh ngày 05/08/2013 và Trần Gia B1, sinh ngày 07/10/2014.

Ghi nhận sự thỏa thuận của chị Nguyễn Thị N và anh Trần Văn B: Anh Trần Văn B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là hai cháu Trần Thu H và Trần Gia B1. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Nguyễn Thị N được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản

2.3. Về tài sản chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về công nợ: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị N chịu toàn bộ 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị đã nộp theo Biên lai số 0014607 ngày 17/06/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội. Chị Nguyễn Thị N được hoàn trả lại 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 - Tp Hà Nội;
- UBND xã Phù Đồng, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội (nay là xã Phù Đồng, thành phố Hà Nội);
- (Nơi ĐKKH ngày 30/05/2013);
- THADS Tp Hà Nội;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm phán

Nguyễn Thị Thanh Phương